TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hùng,

2. Ông Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ H, sinh năm 1968. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trần Văn R, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 25 tháng 4 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ H trình bày: Bà và ông R cưới nhau vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2008, vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân là do Bà bị bệnh, ông R có người phụ nữ khác. Bà và ông R sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên Bà yêu cầu ly hôn với ông R.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, bà H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng ông R vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Đặng Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn R; ông R có hộ khẩu thường trú tại Ấp 5, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An và hiện đang có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông R đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông R chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà H và ông R không được xem là hôn nhân hợp pháp, đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Trong quá trình chung sống, bà H cho rằng năm 2008, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do Bà bị bệnh, ông R có người phụ nữ khác. Bà và ông R sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Đối với ông R, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông R không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Tại phiên tòa hôm nay, ông R vẫn vắng mặt, chứng tỏ Ông không có thiện chí để hàn gắn. Do bà H và ông R chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận bà Đặng Thị Mỹ H và ông Trần Văn R là vợ chồng.

[5]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H nêu không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông R không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Mỹ H đối với ông Trần Văn R về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Thị Mỹ H và ông Trần Văn R là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004557 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Bà H đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hồng Sơn